

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc giao tài sản nhà nước cho Trung tâm Y tế huyện Tu Mơ Rông
và các Trạm Y tế trực thuộc theo cơ chế giao vốn cho doanh nghiệp**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật quản lý, sử dụng tài sản nhà nước năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; Nghị định số 04/2016/NĐ-CP ngày 06/01/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 245/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính quy định thực hiện một số nội dung của Nghị định 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ; Thông tư số 09/2012/TT-BTC ngày 19/01/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 245/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 162/TT-BTC ngày 06/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản cố định trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức có sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 23/2016/TT-BTC ngày 16/02/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại đơn vị sự nghiệp công lập;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Văn bản số 2154/STC-QLCSG ngày 14/8/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao tài sản nhà nước cho Trung tâm Y tế huyện Tu Mơ Rông và các Trạm Y tế trực thuộc theo cơ chế giao vốn cho doanh nghiệp, cụ thể như sau:

Tổng giá trị tài sản nhà nước giao cho đơn vị là 56.706.398.210 đồng (*Năm mươi sáu tỷ, bảy trăm lẻ sáu triệu, ba trăm chín mươi tám nghìn, hai trăm mười đồng*), trong đó:

- Giá trị tài sản là đất: 1.324.287.950 đồng;
- Giá trị tài sản là nhà cửa, vật kiến trúc: 44.801.879.390 đồng;
- Giá trị tài sản phương tiện vận tải: 439.950.620 đồng;
- Giá trị tài sản máy móc, thiết bị và tài sản khác: 10.140.280.250 đồng.

(Có danh mục tài sản nhà nước giao cho đơn vị kèm theo Quyết định này)

Điều 2. Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Tu Mơ Rông có trách nhiệm bảo toàn, phát triển vốn, tài sản nhà nước được giao; thực hiện quản lý, sử dụng tài sản nhà nước theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Các Giám đốc Sở: Y tế, Tài chính; Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Tu Mơ Rông và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, PVP UBND tỉnh (KT);
- Lưu: VT, KGVX, KTS *llc*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Ngọc Tuấn



**DANH MỤC TÀI SẢN LÀ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
GIAO CHO ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP TỰ CHỦ TÀI CHÍNH**

(Kèm theo Quyết định số **864** /QĐ-UBND ngày **01** tháng **9** năm 2017 của UBND tỉnh)

Tên đơn vị được giao tài sản: Trung Tâm Y tế huyện Tu Mơ Rông và các Trạm y tế trực thuộc

STT	Tên tài sản nhà nước giao cho đơn vị	Địa chỉ	ĐVT	Số lượng	Diện tích	Giá trị quyền sử dụng đất (đồng)	Giá trị QSD đất giao cho đơn vị (đồng)
1	Bệnh viện Đa khoa huyện Tu Mơ Rông	Thôn Mô Pả, xã Đăk Hà, huyện Tu Mơ Rông- Kon Tum	m2	1	23.265,7	639.806.750	639.806.750
2	Phòng khám Đa khoa khu vực Đăk Rơ Ông	Thôn Ngọc Năng, xã Đăk Rơ Ông- Kon Tum	m2	1	5.950	187.425.000	187.425.000
3	Phòng khám đa khoa Khu vực Tu Mơ Rông	Thôn Tu Mơ Rông, xã Tu Mơ Rông, huyện Tu Mơ Rông, tỉnh Kon Tum	m2	1	862,3	36.216.600	36.216.600
4	Trạm Y tế xã Đăk Na	Thôn Đăk Riếp, xã Đăk Na huyện Tu Mơ Rông- Kon Tum	m2	1	416,2	8.740.200	8.740.200
5	Trạm Y tế xã Ngọc Yêu	Thôn Ba Tu II xã Ngọc Yêu huyện Tu Mơ Rông- Kon Tum	m2	1	1.242,8	24.856.000	24.856.000
6	Trạm Y tế xã Đăk Rơ Ông	Thôn Măng Lỡ, xã Đăk Rơ Ông huyện Tu Mơ Rông- Kon Tum	m2	1	717,0	22.585.500	22.585.500
7	Trạm Y tế xã Văn Xuôi	Thôn Đăk Văn, xã Văn Xuôi, huyện Tu Mơ Rông- Kon Tum	m2	1	981,1	19.622.000	19.622.000
8	Trạm Y tế xã Măng Ri	Thôn Ngọc La, xã Măng Ri, huyện Tu Mơ Rông- Kon Tum	m2	1	839,9	16.798.000	16.798.000
9	Trạm Y tế xã Tê Xăng	Thôn Đăk Xong, xã Tê Xăng, huyện Tu Mơ Rông- Kon Tum	m2	1	790,6	15.812.000	15.812.000

10	Trạm Y tế xã Đắk Tô Kan	Thôn Đắk P Rông, xã Đắk Tô Kan, huyện Tu Mơ Rông- Kon Tum	m2	1	648,0	27.216.000	27.216.000
11	Trạm Y tế xã Đắk Sao	Thôn Kạch lớn 2, xã Đắk Sao, huyện Tu Mơ Rông- Kon Tum	m2	1	2.314,6	72.909.900	72.909.900
12	Trạm Y tế xã Ngọc Lậy	Thôn Đắk Kinh 1A, xã Ngọc Lậy, huyện Tu Mơ Rông- Kon Tum	m2	1	900	31.500.000	31.500.000
13	Trạm Y tế xã Đắk Hà	Thôn Mô Pá, xã Đắk Hà, huyện Tu Mơ Rông- Kon Tum	m2	1	1.200	220.800.000	220.800.000
	Tổng cộng			13	40.128	1.324.287.950	1.324.287.950

he

**DANH MỤC TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP
GIAO CHO ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP TỰ CHỦ TÀI CHÍNH**

(Kèm theo Quyết định số **866** /QĐ-UBND ngày **01** tháng **9** năm 2017 của UBND tỉnh)

Tên đơn vị được giao tài sản: Trung tâm Y tế huyện Tu Mơ Rông và các Trạm y tế trực thuộc

STT	Tài sản	Số lượng	Cấp hạng	Năm xây dựng	Ngày tháng năm đưa vào	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN			Giá trị sau khi đánh giá lại	Số tầng	Diện tích xây dựng (m2)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m2)	HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG						Giá trị tài sản đề nghị giao cho đơn vị (đồng)	
						Nguyên giá		Giá trị còn lại					Trụ sở làm việc	Cơ sở HDSN	Sử dụng khác					
						Nguồn NS	Nguồn khác								Làm nhà	Cho thuê	Bỏ trống	Bị lấn chiếm		Khác
A	Nhà cửa	14				58.096.424		44.457.952	310.000			7.695		7.695						44.767.952
I	Bệnh viện đa khoa huyện Tu Mơ Rông	1				50.996.363		40.797.090		2		5.704		5.704						40.797.090
1	Nhà làm việc	1	III	2009	2012	50.996.363		40.797.090		2		5.704		5.704						40.797.090
II	Phòng khám đa khoa khu vực Đắk Rơ Ông	1				3.580.446		1.908.736		1	1.441	596,5		596,5						1.908.736
1	Nhà làm việc	1	IV	2009	2010	3.580.446		1.908.736		1	1.441	596,5		596,5						1.908.736
III	Phòng khám đa khoa Khu vực Tu Mơ Rông	2				160.037		42.618												42.618
	Nhà làm việc	1	IV	2006	2006	104.587		27.852		1										27.852
	Nhà lưu bệnh nhân	1	IV	2006	2006	55.450		14.766		1										14.766
IV	Trạm Y tế xã Đắk Na	1				68.250		0	30.000	1		113,75		113,75						30.000
	Nhà làm việc	1	IV			68.250		0	30.000	1		113,75		113,75						30.000
V	Trạm y tế xã Ngọc Yên	1				4.260		0	30.000	1		194		194						30.000
	Nhà làm việc	1	IV			4.260		0	30.000	1		194,00		194,0						30.000
VI	Trạm y tế xã Đắk Rơ Ông	1				1.643.382		985.701		1	408,04	142		142						985.701
	Nhà làm việc	1	IV	2009	2011	1.643.382		985.701		1	408,04	142		142						985.701
VII	Trạm Y tế xã Văn Xuôi	1				98.178		0	40.000	1		163,63		163,63						40.000
	Nhà làm việc	1	IV			98.178		0	40.000	1		163,63		163,63						40.000
VIII	Trạm Y tế xã Măng Ri	1				91.194		0	50.000	1		151,94		151,94						50.000
	Nhà làm việc	1	IV			91.194		0	50.000	1		151,94		151,94						50.000
IX	Trạm Y tế xã Tê Xăng	1				77.664		10.322		1	129,44	79,38		79,38						10.322
	Nhà làm việc	1	IV	2004	2004	77.664		10.322		1	129,44	79,38		79,38						10.322
X	Trạm Y tế xã Đắk Tô Kan	1				47.322		0	70.000	1		110		110						70.000

th

	Nhà làm việc	1	IV			47.322		0	70.000	1		110,0		110,0					70.000
XI	Trạm Y tế xã Đắk Sao	1				59.472		0	50.000	1		99,12		99,12					50.000
	Nhà làm việc	1	IV	1994	1.995	59.472		0	50.000	1		99,12		99,12					50.000
XII	Trạm Y tế xã Ngọc Lây	1				1.206.730		723.797		1	414,8	235,8		235,8					723.797
	Nhà làm việc	1	IV	2009	2011	1.206.730		723.797	0	1	414,8	235,8		235,8					723.797
XIII	Trạm Y tế xã Đắk Hà	1				63.126		0	40.000	1	0	105,21		105,21					40.000
	Nhà làm việc	1	IV	2001	2001	63.126		0	40.000	1		105,21		105,21					40.000
B	Vật kiến trúc	2				86.723		33.927											33.927,49
I	Phòng khám đa khoa Khu vực Tu Mơ Rông	2				86.723		33.927											33.927
1	Nhà vòm mái che	1	IV	2007	2007	11.032		3.674											3.674
1	Nhà Ga ra ô tô	1	IV	2008	2008	75.691		30.254											30.254
	Tổng cộng	16				58.183.147		44.491.879	310.000			7.695		7.695					44.801.879

lha

**DANH MỤC TÀI SẢN LÀ PHƯƠNG TIỆN, TRANG THIẾT BỊ
VÀ TÀI SẢN KHÁC GIAO CHO ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP TỰ CHỦ TÀI CHÍNH**

(Kèm theo Quyết định số **864** /QĐ-UBND ngày **01** tháng **9** năm 2017 của UBND tỉnh)

Tên đơn vị được giao tài sản: Trung tâm Y tế huyện Tư Mư Rông và các Trạm y tế trực thuộc

STT	Tài sản	Số lượng	Ký hiệu	Biển kiểm soát	Số chỗ ngồi	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Ngày tháng năm sử dụng	Giá trị theo sổ kế toán (ngàn đồng)			Hiện trạng sử dụng (cái, chiếc)			Giá trị tài sản giao cho đơn vị (Ngàn đồng)
									Nguyên giá		Giá trị còn lại	HD sự nghiệp		HD khác	
									Nguồn NS	Nguồn khác		Kinh doanh	Không KD		
A	Phương tiện vận tải	31							1.395.282,86		439.950,62				439.950,62
1	Trung Tâm Y tế huyện Tư Mơ Rông	8							861.067,86		298.864,62				298.864,62
1	Xe ô tô cứu thương	1	Toyota	082B-0718	5		2007	2007	359.268,93		119.756,31				119.756,31
2	Xe ô tô cứu thương	1	Toyota	082B-0723	5		2007	2007	359.268,93		119.756,31				119.756,31
3	Xe máy	1	Wave RSX	82DA000.18		Nhật Bản	2011	2011	24.565,00		9.826,00				9.826,00
4	Xe máy	1	Wave RSX	82DA000.24		Nhật Bản	2011	2011	24.565,00		9.826,00				9.826,00
5	Xe máy	1	Future Neo FI BS	82DA-0547 BS		VN	2009	2009	25.000,00		5.000,00				5.000,00
6	Xe máy	1	Yamaha	82G1-02244 BS		VN	2016	2017	28.400,00		28.400,00				28.400,00
7	Xe máy	1	YamahaJupiter MX	82B5-0009 BS		VN	2009	2009	23.000,00		4.600,00				4.600,00
8	Xe Máy	1	Super Dream	82B1-1100		VN	2007	2007	17.000,00		1.700,00				1.700,00
II	Phòng khám Đa Khoa Khu vực Đăk Rơ Ông	1							22.000,00	-	2.200,00				2.200,00

I	Xe máy	1	Future Neo 125	82B1-1179		Nhật Bản	2008	2008	22.000,00		2.200,00				2.200,00
III	Trạm y tế xã Văn Xuôi	2							46.565,00	-	12.026,00				12.026,00
1	Xe máy	1	Future Neo 125	82B1-1160		Nhật Bản	2008	2008	22.000,00		2.200,00				2.200,00
2	Xe máy	1	Wave RSX	82DA000.22		Nhật Bản	2011	2011	24.565,00		9.826,00				9.826,00
IV	Trạm y tế xã Ngọc Yêu	2							46.565,00		18.626,00				18.626,00
1	Xe máy	1	Wave RSX	82DA000.25		Nhật Bản	2011	2011	24.565,00		9.826,00				9.826,00
2	Xe máy	1	Future Neo 125	82B1-1171		Nhật Bản	2008	2008	22.000,00		8.800,00				8.800,00
V	Trạm y tế xã Mãng Ri	2							46.565,00		12.026,00				12.026,00
1	Xe máy	1	Wave RSX	82DA000.21		Nhật Bản	2011	2011	24.565,00		9.826,00				9.826,00
2	Xe máy	1	Future Neo 125	82B1-1172		Nhật Bản	2008	2008	22.000,00		2.200,00				2.200,00
VI	Trạm y tế xã Đăk Sao	2							46.565,00		12.026,00				12.026,00
2	Xe máy	1	Wave RSX	82DA000.17		Nhật Bản	2011	2011	24.565,00		9.826,00				9.826,00
3	Xe máy	1	Future Neo 125	82B1-1184		Nhật Bản	2008	2008	22.000,00		2.200,00				2.200,00
VII	Trạm y tế xã Ngọc Lây	2							46.565,00	-	12.026,00				12.026,00
1	Xe máy	1	Wave RSX	82DA-000.23		Nhật Bản	2011	2011	24.565,00		9.826,00				9.826,00
2	Xe máy	1	Future Neo 125	82B1-1166		Nhật Bản	2008	2008	22.000,00		2.200,00				2.200,00
VIII	Trạm y tế xã Tu Mơ Rông	2							46.565,00		12.026,00				12.026,00
1	Xe máy	1	Wave RSX	82DA000.13		Nhật Bản	2011	2011	24.565,00		9.826,00				9.826,00
2	Xe máy	1	Future Neo 125	82B1-1192		Nhật Bản	2008	2008	22.000,00		2.200,00				2.200,00
IX	Trạm Y tế xã Đăk Hà	2							46.565,00		12.026,00				12.026,00
1	Xe máy	1	Wave RSX	82DA000.14		Nhật Bản	2011	2011	24.565,00		9.826,00				9.826,00
2	Xe máy	1	Future Neo 125	82B1-1191		Nhật Bản	2008	2008	22.000,00		2.200,00				2.200,00

X	Trạm Y tế xã Đắk Tô Kan	2							46.565,00		12.026,00			12.026,00
1	Xe máy	1	Wave RSX	82DA 000.16		Nhật Bản	2011	2011	24.565,00		9.826,00			9.826,00
2	Xe máy	1	Future Neo 125	82B1- 1185		Nhật Bản	2008	2008	22.000,00		2.200,00			2.200,00
XI	Trạm Y tế xã Tê Xăng	2							46.565,00		12.026,00			12.026,00
1	Xe máy	1	Wave RSX	82DA 000.15		Nhật Bản	2011	2011	24.565,00		9.826,00			9.826,00
2	Xe máy	1	Future Neo 125	82B1- 1190		Nhật Bản	2008	2008	22.000,00		2.200,00			2.200,00
XII	Trạm Y tế xã Đắk Na	2							46.565,00		12.026,00			12.026,00
1	Xe máy	1	Wave RSX	82DA 000.19		Nhật Bản	2011	2011	24.565,00		9.826,00			9.826,00
2	Xe máy	1	Future Neo 125	82B1- 1183		Nhật Bản	2008	2008	22.000,00		2.200,00			2.200,00
XIII	Trạm Y tế xã Đắk Rơ Ông	2							46.565,00		12.026,00			12.026,00
1	Xe máy	1	Wave RSX	82DA 000.16		Nhật Bản	2011	2011	24.565,00		9.826,00			9.826,00
2	Xe máy	1	Future Neo 125	82B1- 1185		Nhật Bản	2008	2008	22.000,00		2.200,00			2.200,00
B	Trang thiết bị	376							17.077.913,51		10.140.280,25			10.140.280,25
1	Trung tâm Y tế Tu Mơ Rông	212							13.222.574,88		7.415.587,17			7.415.587,17
1	Máy Photocopy TOSHIBA e 206	1				Nhật Bản	2009	2011	34.850,00		8.712,50			8.712,50
2	Máy chiếu Panasonic PT- LB78VEA	1				Nhật Bản	2009	2011	29.820,00		7.455,00			7.455,00
3	Máy ảnh kỹ thuật số SONY	1				Nhật Bản	2009	2011	6.000,00		1.500,00			1.500,00
6	Bộ bàn ghế ăn INOX(bộ gồm 1 bàn và 6 ghế)	10				Việt Nam	2010	2011	56.181,81		14.045,45			14.045,45
7	Bộ bình oxy thở + đồng hồ oxy	10				Trung Quốc	2010	2011	51.904,76		12.976,19			12.976,19
8	Bộ dụng cụ đại phẫu	1				Đức	2010	2011	208.380,95		52.095,24			52.095,24
9	Bộ bọc lộ tĩnh mạch	1				Đức	2010	2011	216.761,90		54.190,48			54.190,48

10	Bộ dụng cụ cắt bụi tri	1				Đức	2010	2011	31.142,86		7.785,71			7.785,71
11	Bộ dụng cụ đinh sân nam	2				Đức	2010	2011	32.095,24		8.023,81			8.023,81
12	Bộ dụng cụ đinh sân nữ	2				Đức	2010	2011	75.942,86		18.985,71			18.985,71
13	Bộ dụng cụ kẹp lấy dị vật thực quản	1				Đức	2010	2011	12.380,95		3.095,24			3.095,24
14	Bộ dụng cụ lấy dị vật giác mạc	1				Đức	2010	2011	7.142,86		1.785,71			1.785,71
15	Bộ dụng cụ mổ đẻ	2				Đức	2010	2011	238.666,67		59.666,67			59.666,67
16	Bộ dụng cụ mổ tử thi	3				Đức	2010	2011	78.857,14		19.714,29			19.714,29
17	Bộ dụng cụ cắt bỏ tuyến giáp	1				Đức	2010	2011	91.333,33		22.833,33			22.833,33
18	Bộ thông niệu đạo nam và nữ	6				Đức	2010	2011	88.285,71		22.071,43			22.071,43
19	Bộ trích chấp leo	1				Đức	2010	2011	53.304,76		13.326,19			13.326,19
20	Cassete + Bìa tăng quang các cỡ	5				Nhật Bản	2010	2011	71.190,48		17.797,62			17.797,62
21	Máy nghe tim thai	1				Hàn Quốc	2010	2011	10.904,76		2.726,19			2.726,19
22	Máy sấy phim	1				Việt Nam	2010	2011	5.238,10		1.309,52			1.309,52
23	Máy siêu âm điều trị tần số 1 và 3 MHz	1				Bỉ	2010	2011	128.571,43		32.142,86			32.142,86
24	Monitor theo dõi bệnh nhân	2				Mỹ	2010	2011	342.571,43		85.642,86			85.642,86
25	Nồi luộc dụng cụ	5				Việt Nam	2010	2011	30.476,19		7.619,05			7.619,05
26	Tủ âm CO2	1				Medda-VN	2010	2011	26.647,62		6.661,90			6.661,90
27	Tủ đựng tài liệu	9				Việt Nam	2010	2011	50.563,63		12.640,91			12.640,91
28	Tủ đựng thuốc	6				Việt Nam	2010	2011	34.636,36		8.659,09			8.659,09
29	Tủ đựng thuốc đông Y	1				Việt Nam	2010	2011	11.345,45		2.836,36			2.836,36
30	Bộ dụng cụ chữa răng cầm tay	1				Đức	2010	2011	45.714,29		11.428,57			11.428,57
31	Bộ phẫu thuật răng miệng	1				Đức	2010	2011	139.971,43		34.992,86			34.992,86
32	Đèn khám mắt hình búa	1				Trung Quốc	2010	2011	6.457,14		1.614,29			1.614,29
33	Đèn quang trùng hợp	1				Mỹ	2010	2011	25.690,48		6.422,62			6.422,62
34	Máy hút chân không	1				Đức	2010	2011	97.000,00		24.250,00			24.250,00



35	Máy hút điều hòa kinh nguyệt	1				Trung Quốc	2010	2011	15.047,62		3.761,90				3.761,90
36	Máy kích thích thần kinh cơ (Auto Transcutaneous Electrical nerve Strinulator (Suction))	1				Hàn Quốc	2010	2011	55.238,10		13.809,52				13.809,52
37	Máy lắc tiểu cầu	2				Ika	2010	2011	79.619,05		19.904,76				19.904,76
38	Máy rửa dụng cụ bằng siêu âm	1				Đức	2010	2011	97.142,86		24.285,71				24.285,71
39	Máy xoa bóp	1				Hàn Quốc	2010	2011	25.523,81		6.380,95				6.380,95
40	Máy kích thích điện	1				Hàn Quốc	2012	2012	40.000,00		15.000,00				15.000,00
41	Ghế phục hồi chức năng	1				Việt Nam	2012	2012	6.809,52		2.553,57				2.553,57
42	Ghế khám mắt	1					2012	2012	11.600,00		4.350,00				4.350,00
43	Khoan tay chữa răng + mũi khoan	1				Hàn Quốc	2012	2012	15.000,00		5.625,00				5.625,00
44	Máy hút thai	1				Trung Quốc	2012	2012	22.860,00		8.572,50				8.572,50
45	Máy ly tâm	1				Đài Loan	2012	2012	21.800,00		8.175,00				8.175,00
46	Máy thái dược liệu	1				Trung Quốc	2012	2012	45.450,00		17.043,75				17.043,75
47	Kính hiển vi 2 mắt	1				Nhật Bản	2012	2012	24.800,00		9.300,00				9.300,00
48	Máy điều hòa nhiệt độ 27000 BTU	1				Việt Nam	2012	2012	28.200,00		10.575,00				10.575,00
49	Máy hút âm	2					2012	2012	15.800,00		5.925,00				5.925,00
50	Bộ dụng cụ tiểu phẫu	3					2012	2012	27.000,00		10.125,00				10.125,00
51	Đèn điều trị vàng da	1					2012	2012	54.800,00		20.550,00				20.550,00
52	Máy đo điện tim 3 cần MD: FX-7102	1				Nhật Bản	2012	2012	38.000,00		23.750,00				23.750,00
53	Máy đo điện giải Na,K+,Cl-,iCA+ MD:ST-200	1				Ấn Độ	2012	2013	280.000,00		140.000,00				140.000,00
54	Máy đo độ đông máu MD:COAG 4D	1				Hungary	2012	2012	75.000,00		28.125,00				28.125,00

55	Máy phát điện dự phòng 50 KVA	1					2012	2012	347.000,00		130.125,00				130.125,00
56	Máy rửa phim X-Quang tự động	1					2012	2012	175.000,00		65.625,00				65.625,00
57	Máy siêu âm đen trắng kỹ thuật số MD: Pamio -5	1				Nhật Bản	2012	2013	600.000,00		300.000,00				300.000,00
58	Máy giặt, vắt tự động 30 kg MD: HE 65B	1				Thái Lan	2012	2012	617.000,00		123.400,00				123.400,00
59	Máy X-Quang thường quy 300mA	1				TQ	2012	2012	737.000,00		276.375,00				276.375,00
60	Bàn khám thái	2				Việt Nam	2 015	2015	12.806,00		9.604,50				9.604,50
61	Tủ đựng thuốc Inox	15				Việt Nam	2 015	2015	77.655,00		58.241,25				58.241,25
62	Bộ rửa tay vô trùng	2				Việt Nam	2 015	2015	113.373,50		85.030,13				85.030,13
63	Máy theo dõi tim thai	1				Ý	2 015	2015	31.273,75		23.455,31				23.455,31
64	Đèn khám bệnh loại đứng	1				Đức	2 015	2015	23.640,00		17.730,00				17.730,00
65	Nồi hấp tiệt trùng loại to	1				Việt Nam	2 015	2015	66.800,00		50.100,00				50.100,00
66	Tủ sấy dụng cụ 80 lít	3				Việt Nam	2 015	2015	92.400,00		69.300,00				69.300,00
67	Máy điện tim 6 cần	2				Trung Quốc	2 015	2015	129.700,00		97.275,00				97.275,00
68	Máy siêu âm xách tay 2 đầu dò kèm máy in	1				Nhật Bản	2 015	2015	250.000,00		187.500,00				187.500,00
69	Máy phân tích sinh hóa bán tự động	1				Hà Lan	2 015	2015	128.400,00		96.300,00				96.300,00
70	Kính hiển vi hai mắt	1				Mỹ	2 015	2015	23.483,00		17.612,25				17.612,25
71	Máy cất nước 2 lần 4 lít/giờ	2				Hàn Quốc	2 015	2015	136.476,00		102.357,00				102.357,00
72	Máy xét nghiệm nước tiểu	2				Đức	2 015	2015	57.684,00		43.263,00				43.263,00
73	Bộ dụng cụ lấy bệnh phẩm soi tươi và làm tế bào âm đạo	2				VN, TQ, Hà Lan, Pakistan, Indo	2 015	2015	11.200,00		8.400,00				8.400,00
81	Bộ đặt nội khí quản MD: Ri standard Maccintosh 7040	1				Đức	2014	2014	34.740,00		26.055,00				26.055,00

Handwritten signature

82	Bộ đo nhân áp MD: Schotz C	1				Đức	2014	2014	8.374,00		6.280,50			6.280,50
83	Bộ dụng cụ cắt Amydanl	1				Pakistan	2014	2014	10.528,00		7.896,00			7.896,00
84	Bộ khám điều trị răng hàm mặt + ghế + lấy cao răng bằng siêu âm	1				Brazil	2014	2015	366.289,00		274.716,75			274.716,75
85	Bộ khám điều trị tai mũi họng + ghế	1				Đài Loan	2014	2015	121.075,00		90.806,25			90.806,25
86	Bộ soi bóng đồng tử đo khúc xạ	1					2014	2015	11.964,00		8.973,00			8.973,00
87	Bơm tiêm điện MD: Top- 5300	1				Nhật Bản	2014	2015	55.333,00		41.499,75			41.499,75
88	Giao mô điện cao tần 300 W HF	1				Hàn Quốc	2015	2015	100.623,00		75.467,25			75.467,25
89	Đèn soi đáy mắt MD: Ri- scope 3723	1				Đức	2014	2015	10.967,00		8.225,25			8.225,25
90	Máy cất nước 2 lần 2 lít/giờ + bộ tiền lọc	1				Đức	2015	2015	165.000,00		123.750,00			123.750,00
91	Máy điều trị xung điện	1				Ý	2014	2015	157.027,00		117.770,25			117.770,25
92	Máy đo nồng độ bão hòa oxy cầm loại để bàn (09 cái)	1				Mỹ	2014	2015	355.328,99		266.496,74			266.496,74
93	Máy hút điện SU-305P	5				Đài Loan	2014	2015	164.505,00		123.378,75			123.378,75
94	Máy hút điện chạy liên tục, áp lực thấp MD: Constant 1400	1				Nhật Bản	2014	2015	25.523,00		19.142,25			19.142,25
95	Máy khí dung siêu âm	2				Nhật Bản	2014	2015	43.868,00		32.901,00			32.901,00
96	Máy làm ấm dịch truyền MD: Sline	1				Đức	2015	2015	95.712,00		71.784,00			71.784,00
97	Máy làm ấm trẻ sơ sinh (Lồng ấp trẻ sơ sinh)	1				Đài Loan	2015	2015	199.000,00		149.250,00			149.250,00
98	Máy Laser điều trị	1				Ý	2014	2015	131.903,00		98.927,25			98.927,25
99	Máy phá rung tim (máy shock tim)	1				Hungary	2014	2015	212.300,00		159.225,00			159.225,00
100	Máy phân tích nước tiểu tự động 10 thông số	1				Mỹ	2015	2015	50.697,00		38.022,75			38.022,75
101	Máy phân tích sinh hóa tự động 200test/giờ	1				Ấn Độ	2015	2015	733.900,00		550.425,00			550.425,00

102	Máy siêu âm đen trắng xách tay 2 đầu dò MD: DUS - 3000 Plus	1				Mỹ	2015	2015	419.100,00		314.325,00				314.325,00
103	Máy sóng ngắn điều trị MD: BTL-6000	1				Anh	2014	2015	395.300,00		296.475,00				296.475,00
104	Máy tạo oxy di động 5 lít/phút 03 cái	1				Mỹ	2014	2015	163.009,50		122.257,13				122.257,13
105	Máy truyền dịch MD: PG-801D	1				Ý	2014	2015	75.173,00		56.379,75				56.379,75
106	EtC02 MD: Inno Care T12	1				Hungary	2014	2015	172.000,00		129.000,00				129.000,00
107	Monitor sản khoa hai chức năng	1				Hungary	2014	2015	76.769,00		57.576,75				57.576,75
108	Nồi hấp 77 lít chạy điện (Nồi hấp tiết trùng điện) MD: TC-339	1				Đài Loan	2014	2015	193.300,00		144.975,00				144.975,00
109	Pipette + Giá để	1				Ba Lan	2014	2015	14.516,00		10.887,00				10.887,00
110	Thiết bị điều chế dung dịch tiết khuẩn MD: Aeosept 100VF	1				Pháp	2014	2015	201.500,00		151.125,00				151.125,00
111	Tủ ấm 37 đến 60 ⁰ C, 74 lít MD: IN 75	1				Đức	2014	2015	71.616,00		53.712,00				53.712,00
112	Tủ lạnh 250 lít CHL 4+	1				Ba Lan	2014	2015	79.361,00		59.520,75				59.520,75
113	Tủ sấy 250 độ C, 150 lít MD: YCO-010	1				Đài Loan	2014	2015	88.334,00		66.250,50				66.250,50
114	Tủ sấy khô 74 lít MD: UN75	1				Đức	2014	2015	67.175,00		50.381,25				50.381,25
115	Máy hút bụi khô và ướt dung tích 70 lít HICLEAN	1				Trung Quốc	2016	2017	23.000,00		23.000,00				23.000,00
116	Bàn làm việc lãnh đạo gỗ nhóm 3(1.6*0.8*0.75)	1	BLV			Việt Nam	2012	2012	6.500,00		2.437,50				2.437,50
117	Bộ sofa nệm bọc nỉ cao cấp loại 02 ghế chiếc lớn + 01 bàn dài 2.4 m+ bàn kính bọc da cùng màu	1	BGN			Việt Nam	2013	2013	13.000,00		6.500,00				6.500,00
118	Ti vi màn hình phẳng (Hiệu samsung 32 inch)	1	TV			Việt Nam	2014	2014	8.450,00		5.281,25				5.281,25
119	Bàn làm việc lãnh đạo gỗ nhóm 3(1.6*0.8*0.75)	1	BLV			Việt Nam	2012	2012	6.500,00		3.900,00				3.900,00

de

120	Bộ sofa nệm bọc nỉ cao cấp loại 02 ghế chiếc lớn + 01 bàn dài 2.4 m+ bàn kính bọc da cùng màu	1	BGN			Việt Nam	2013	2013	13.000,00		6.500,00			6.500,00
121	Bộ bàn ghế Sofa nệm lớn Bộ	1	BGN			Việt Nam	2015	2015	15.000,00		12.600,00			12.600,00
122	Bộ trang thiết bị câu truyền hình trực tuyến Tivi màn hình phẳng TCL 42in + 02Loa + Âm ly+ Eco + Micro	1				Việt Nam	2016	2016	30.000,00		24.000,00			24.000,00
123	Kết sắt bảo mật	1				Việt Nam	2012	2012	6.950,00		2.606,25			2.606,25
124	Máy fax panasonic KX-FL 612	1				Nhật Bản	2014	2014	6.250,00		2.500,00			2.500,00
125	Máy Photocopy kỹ thuật số TOSHIBA Studio 723	1				Việt Nam	2013	2013	45.000,00		11.250,00			11.250,00
126	Máy Photocopy TOSHIBA E 206	1				Nhật Bản	2010	2010	34.850,00		4.356,25			4.356,25
127	Tủ để tivi phòng giao ban trực tuyến	1				Việt Nam	2016	2016	6.000,00		5.250,00			5.250,00
128	Bộ máy vi tính CPU Intel + Màn hình vi tính AOC 19 in	1				Việt Nam	2016	2016	12.850,00		10.280,00			10.280,00
129	Bộ máy vi tính để bàn Màn hình HP 18.5in+ CPU+ Mũi in Canon 29000 + Tích điện Santak + Ổn áp Lyoua 1000 VA	1				Việt Nam	2014	2014	22.735,00		9.094,00			9.094,00
130	Bộ máy vi tính để bàn Màn hình HP 18.5in+ CPU+ Mũi in Canon 29000 + Tích điện Santak + Ổn áp Lyoua 1000 VA	1				Việt Nam	2014	2014	22.735,00		9.094,00			9.094,00
131	Bộ máy vi tính : CPU máy ráp; Màn hình LCD 18.5 in Sam Sung	1				Việt Nam	2014	2014	13.000,00		2.600,00			2.600,00

132	Máy vi tính hiệu FPT - Màn hình vi tính LCD 18.5in hiệu AOC	1			Việt Nam	2014	2015	13.000,00		2.600,00			2.600,00
133	Máy vi tính để bàn màn hình FPT Elead 18.5in+ CPU	1	MVT		TQ	2014	2014	15.000,00		3.000,00			3.000,00
134	Bộ máy vi tính để bàn FPT Elead F20RAA	1	MVT		VN	2016	2017	11.409,00		11.409,00			11.409,00
135	Máy phun dịch khử trùng MD:SR 420	1	MPD		Brazil	2013	2013	60.000,00		30.000,00			30.000,00
136	Máy điều hòa nhiệt độ 27000BTU	1	MĐH		VN	2012	2012	28.200,00		10.575,00			10.575,00
137	Tủ bảo quản vắc xin	1	TBQVX		Luxembo ur	2015	2016	122.164,63		106.894,05			106.894,05
138	Tủ đá (Đồng băng bình tích lạnh)	1	TD		Luxembo ur	2015	2016	231.278,00		202.368,25			202.368,25
139	Hôm lạnh loại nhỏ	1	HLN		Luxembo ur	2015	2016	293.600,00		256.900,00			256.900,00
140	Hôm lạnh loại to	1	HLT		ấn Độ	2015	2016	139.680,00		122.220,00			122.220,00
II	Phòng khám Đa Khoa Khu vực Tu Mơ Rông	1						13.000,00		7.800,00	-	-	7.800,00
1	Bộ máy vi tính CPU Intel Core i3+ Màn hình LCD hiệu HP LV9116+ Máy In Canon 2900+ Ổn áp Lioa SH100+ Tích điện Santak	1			Việt Nam	2015	2015	13.000,00		7.800,00			7.800,00
III	Phòng khám Đa Khoa Khu vực Đắk Rơ Ông	11						109.485,00		108.399,38	-	-	108.399,38
1	Bộ đặt nội khí quản	1				2015	2016	8.685,00		7.599,38			7.599,38
2	Bộ khám ngũ quan + Đèn treo trần VN	1			Đức	2016	2017	7.455,00		7.455,00			7.455,00
3	Bộ khám ngũ quan + Đèn treo trần VN	1			Đức	2016	2017	7.455,00		7.455,00			7.455,00

4	Bộ dụng cụ khám sản phụ khoa (Thuốc dây, mô vật, van âm đạo, thước đo tử cung, kẹp cổ tử cung Schroeder, kẹp Foerster thẳng, kẹp lấy vòng IUD, ống nghe tim thai, khay quả đậu, hộp đựng dụng cụ)	1				Pakistan	2016	2017	6.030,00		6.030,00				6.030,00
5	Cảng dây bệnh nhân	1				Việt Nam	2016	2017	6.600,00		6.600,00				6.600,00
6	Kính hiển vi Model CxL(9135002)	1				Mỹ	2016	2017	28.220,00		28.220,00				28.220,00
7	Bàn khám bệnh có đệm	1				Việt Nam	2016	2017	6.285,00		6.285,00				6.285,00
8	Bàn đẻ bằng thép không gỉ (Cổ đệm)	1				Việt Nam	2016	2017	7.405,00		7.405,00				7.405,00
9	Giác hút thai	1				Đài Loan	2016	2017	5.400,00		5.400,00				5.400,00
10	Bộ dụng cụ triệt sản nam+ nữ (cân dao mổ số 4, cân dao mổ số 3, Băng dài, Kéo N-N thẳng, Kẹp phẫu tích có rawngxT, kẹp cong có răng dài 14cm, kẹp bông có răng, Babcock, Kẹp Allis 4:5, Van âm đạo các cỡ, cân nâng tuwe cung, kẹp cổ tử cung Pozzi có răng, Băng mô vật)	1				Pakistan	2016	2017	6.450,00		6.450,00				6.450,00
11	Máy phát điện 5 KVA/220v	1				Việt Nam	2016	2017	19.500,00		19.500,00				19.500,00
IV	Trạm y tế xã Văn Xuôi	20							570.642,08		464.439,56				464.439,56
1	Bàn đẻ bằng thép không gỉ	1				Việt Nam	2016	2017	7.405,00		7.405,00				7.405,00
2	Bàn khám bệnh có đệm	1				Việt Nam	2016	2017	6.285,00		6.285,00				6.285,00
3	Bàn khám phụ khoa có đệm	1				Việt Nam	2016	2017	5.780,00		5.780,00				5.780,00
4	Bộ dụng cụ tiểu phẫu, 1 bộ gồm 12 khoản	1				Pakistan	2015	2015	12.024,00		9.018,00				9.018,00
5	Cảng dây bệnh nhân	1				Việt Nam	2016	2017	6.600,00		6.600,00				6.600,00

6	Đèn Clar	1				Đức	2016	2017	8.600,00		8.600,00			8.600,00
7	Giường bệnh nhân nâng đầu	1				Việt Nam	2016	2017	6.495,00		6.495,00			6.495,00
8	Giường bệnh nhân nâng đầu	1				Việt Nam	2016	2017	6.495,00		6.495,00			6.495,00
9	Kính hiển vi 2 mắt Olympus Model YS 100	1				Việt Nam	2011	2011	22.915,50		5.728,88			5.728,88
10	Máy điện tim 3 cân	1				Ấn Độ	2015	2015	29.800,00		22.350,00			22.350,00
11	Máy hút dịch chạy điện	1				Mỹ	2015	2015	21.500,58		16.125,44			16.125,44
12	Máy siêu âm loại xách tay	1				Nhật Bản	2015	2016	329.910,00		288.671,25			288.671,25
13	Máy vi tính để bàn (màn hình LCD15.6in+ CPU+ Máy in vi tính hiệu Xerox 3155	1				Việt Nam	2014	2014	14.980,00		5.992,00			5.992,00
14	Máy xét nghiệm nước tiểu	1				Đức	2015	2015	28.842,00		21.631,50			21.631,50
15	Nồi hấp tiệt trùng loại nhỏ	1				Việt Nam	2015	2015	28.800,00		21.600,00			21.600,00
16	Ô cắm điện	1				Việt Nam	2011	2011	150,00		50,00			50,00
17	Ôn áp tự động	1				Việt Nam	2011	2011	1.440,00		300,00			300,00
18	Tích điện	1				Việt Nam	2011	2011	1.170,00		200,00			200,00
19	Tủ đựng thuốc và dụng cụ	1				Việt Nam	2016	2017	6.100,00		6.100,00			6.100,00
20	Tủ sấy dụng cụ 32 lít	1				Việt Nam	2015	2015	25.350,00		19.012,50			19.012,50
V	Trạm y tế xã Ngọc Yêu	18							307.811,58		231.493,19			231.493,19
1	Máy khí dung siêu âm Model: NE-U17	1				Nhật Bản	2011	2011	25.830,00		19.372,50			19.372,50
2	Bình oxy & Đồng hồ áp suất	1				TQ	2015	2015	2.475,00		1.856,25			1.856,25
3	Bộ đỡ đẻ (Bộ dụng cụ sản)	1				Pakistan	2009	2009	5.500,00		-			-
4	Máy vi tính để bàn (màn hình LCD15.6" + CPU+ Máy in vi tính hiệu Xerox 3155	1				Việt Nam	2014	2014	14.980,00		5.992,00			5.992,00
5	Tủ lạnh Sanyo 160 lít - 220v/50Hz	1				Việt Nam		2010	5.500,00		687,50			687,50

6	Bộ dụng cụ tiểu phẫu, 1 bộ gồm 12 khoản	1			Pakistan	2015	2015	6.012,00		4.509,00			4.509,00
7	Bàn khám phụ khoa	1			Việt Nam	2 015	2015	6.412,00		4.809,00			4.809,00
8	Máy hút dịch chạy điện	1			Mỹ	2 015	2015	21.500,58		16.125,44			16.125,44
9	Máy siêu âm xách tay 2 đầu dò	1			Nhật Bản	2 015	2015	137.000,00		102.750,00			102.750,00
10	Máy xét nghiệm nước tiểu	1			Đức	2 015	2015	28.842,00		21.631,50			21.631,50
11	Giường bệnh nhân nâng đầu	1			Việt Nam	2 016	2017	6.495,00		6.495,00			6.495,00
12	Giường bệnh nhân nâng đầu	1			Việt Nam	2 016	2017	6.495,00		6.495,00			6.495,00
13	Bàn khám bệnh có đệm	1			Việt Nam	2 016	2017	6.285,00		6.285,00			6.285,00
14	Cáng dây bệnh nhân	1			Việt Nam	2 016	2017	6.600,00		6.600,00			6.600,00
15	Tủ đựng thuốc và dụng cụ	1			Việt Nam	2 016	2017	6.100,00		6.100,00			6.100,00
16	Đèn Clar	1			Đức	2 016	2017	8.600,00		8.600,00			8.600,00
17	Bàn khám phụ khoa có đệm	1			Việt Nam	2 016	2017	5.780,00		5.780,00			5.780,00
18	Bàn đẻ bằng thép không gỉ	1			Việt Nam	2 016	2017	7.405,00		7.405,00			7.405,00
VI	Trạm y tế xã Măng Ri	17						523.210,58		444.215,71			444.215,71
1	Máy siêu âm loại xách tay Model: Prosound 2	1			Nhật Bản	2015	2016	329.910,00		288.671,25			288.671,25
2	Máy vi tính để bàn (màn hình LCD15.6" CPU+ Máy in vi tính hiệu Xerox 3155	1			Việt Nam	2014	2014	14.980,00		5.992,00			5.992,00
3	Bộ dụng cụ tiểu phẫu, 1 bộ gồm 12 khoản	1			Pakistan	2015	2015	6.012,00		3.459,60			3.459,60
4	Bộ dụng cụ tiểu phẫu, 1 bộ gồm 12 khoản	1			Pakistan	2015	2015	6.012,00		3.459,60			3.459,60
5	Máy xét nghiệm nước tiểu	1			Đức	2015	2015	28.842,00		23.073,60			23.073,60
6	Bàn khám phụ khoa	1			Việt Nam	2015	2 015	6.412,00		5.129,60			5.129,60
7	Bàn khám phụ khoa	1			Việt Nam	2015	2 015	6.412,00		5.129,60			5.129,60
8	Máy hút dịch chạy điện	1			Mỹ	2015	2 015	21.500,58		17.200,46			17.200,46
9	Tủ sấy dụng cụ 32 lít	1			Việt Nam	2015	2 015	25.350,00		20.280,00			20.280,00
10	Máy điện tim 3 cân	1			Ấn Độ	2015	2 015	29.800,00		23.840,00			23.840,00
11	Giường bệnh nhân nâng đầu	1			Việt Nam	2016	2017	6.495,00		6.495,00			6.495,00

th

12	Giường bệnh nhân nâng đầu	1				Việt Nam	2016	2017	6.495,00		6.495,00			6.495,00
13	Bàn khám bệnh có đệm	1				Việt Nam	2016	2017	6.285,00		6.285,00			6.285,00
14	Càng dây bệnh nhân	1				Việt Nam	2016	2017	6.600,00		6.600,00			6.600,00
15	Tủ đựng thuốc và dụng cụ	1				Việt Nam	2016	2017	6.100,00		6.100,00			6.100,00
16	Đèn Clar	1				Đức	2016	2017	8.600,00		8.600,00			8.600,00
17	Bàn để bằng thép không gỉ	1				Việt Nam	2016	2017	7.405,00		7.405,00			7.405,00
VII	Trạm y tế xã Đắk Sao	9							171.158,58		146.575,72			146.575,72
1	Máy vi tính để bàn (màn hình LCD15,6"+ CPU+ Máy in vi tính hiệu Xerox 3155	1				Việt Nam	2014	2014	14.980,00		5.992,00			5.992,00
2	Bàn khám phụ khoa	1				Việt Nam	2 015	2015	6.412,00		4.873,12			4.873,12
3	Máy hút dịch chạy điện	1				Mỹ	2 015	2015	21.500,58		16.340,44			16.340,44
4	Nồi hấp tiệt trùng loại nhỏ	1				Việt Nam	2 015	2015	28.800,00		43.776,00			43.776,00
5	Nồi hấp tiệt trùng loại nhỏ	1				Việt Nam	2 015	2015	28.800,00		21.888,00			21.888,00
6	Máy điện tim 3 cần	1				Ấn Độ	2 015	2015	29.800,00		22.648,00			22.648,00
7	Máy xét nghiệm nước tiểu	1				Đức	2 015	2015	28.842,00		21.919,92			21.919,92
8	Bộ dụng cụ tiểu phẫu, 1 bộ gồm 12 khoản	1				Pakistan	2 015	2015	6.012,00		4.569,12			4.569,12
9	Bộ dụng cụ tiểu phẫu, 1 bộ gồm 12 khoản	1				Pakistan	2 015	2015	6.012,00		4.569,12			4.569,12
VIII	Trạm y tế xã Ngọc Lân	14							376.558,58		246.998,44			246.998,44
1	Máy vi tính để bàn (màn hình LCD15,6"+ CPU+ Máy in vi tính hiệu Xerox 3155	1				Việt Nam	2014	2014	14.980,00		5.992,00			5.992,00
2	Máy siêu âm đen trắng xách tay Mindray- DP-20	1				TQ	2014	2014	155.000,00		116.250,00			116.250,00
3	Máy khi dùng siêu âm	1				Nhật Bản	2011	2011	25.830,00		6.457,50			6.457,50
4	Bàn khám phụ khoa	1				Việt Nam	2 015	2015	6.412,00		4.809,00			4.809,00
5	Bàn khám phụ khoa	1				Việt Nam	2 015	2015	6.412,00		4.809,00			4.809,00
6	Máy hút dịch chạy điện	1				Mỹ	2 015	2015	21.500,58		16.125,44			16.125,44
7	Nồi hấp tiệt trùng loại nhỏ	1				Việt Nam	2 015	2015	28.800,00		21.600,00			21.600,00
8	Tủ sấy dụng cụ 32 lít	1				Việt Nam	2 015	2015	25.350,00		19.012,50			19.012,50
9	Máy điện tim 3 cần	1				Ấn Độ	2 015	2015	29.800,00		22.350,00			22.350,00

10	Máy xét nghiệm nước tiểu	1			Đức	2 015	2015	28.842,00		21.631,50			21.631,50
11	Bộ dụng cụ tiểu phẫu, 1 bộ gồm 12 khoản	1			Pakistan	2 015	2015	6.012,00		4.509,00			4.509,00
12	Nồi hấp áp lực	1			Việt Nam	2010	2010	12.000,00		1.500,00			1.500,00
13	Bộ dụng cụ khám ngũ quan + đèn treo trần	1			Đức	2010	2010	9.120,00		1.140,00			1.140,00
14	Tủ đựng thuốc đông Y	1			Việt Nam	2010	2010	6.500,00		812,50			812,50
IX	Trạm y tế xã Tu Mơ Rông	1						14.980,00		5.992,00			5.992,00
1	Máy vi tính để bàn (màn hình LCD15.6+ CPU+ Máy in vi tính hiệu Xerox 3155	1			Việt Nam	2014	2014	14.980,00		5.992,00			5.992,00
X	Trạm Y tế xã Đăk Hà	7						56.465,00		47.477,00			47.477,00
1	Máy vi tính để bàn (màn hình AOC LCD15.6+ CPU+ Máy in vi tính hiệu Xerox 3155	1			Việt Nam	2014	2014	14.980,00		5.992,00			5.992,00
2	Giường bệnh nhân nâng đầu	1			Việt Nam	2 016	2017	6.495,00		6.495,00			6.495,00
3	Bàn khám bệnh có đệm	1			Việt Nam	2 016	2017	6.285,00		6.285,00			6.285,00
4	Cảng đẩy bệnh nhân	1			Việt Nam	2 016	2017	6.600,00		6.600,00			6.600,00
5	Tủ đựng thuốc và dụng cụ	1			Việt Nam	2 016	2017	6.100,00		6.100,00			6.100,00
6	Đèn Clar	1			Đức	2 016	2017	8.600,00		8.600,00			8.600,00
7	Bàn để bằng thép không gỉ	1			Việt Nam	2 016	2017	7.405,00		7.405,00			7.405,00
XI	Trạm Y tế xã Đăk Tô Kan	19						478.966,15		215.219,06			215.219,06
1	Kính hiển vi 2 mắt CX21	1			Philippin	2012	2012	27.995,00		10.498,13			10.498,13
2	Tủ đựng thuốc và dụng cụ	1			Việt Nam	2013	2012	9.460,00		3.547,50			3.547,50
3	Bộ dụng cụ khám ngũ quan + đèn treo trần	1			Đức	2014	2012	14.999,25		5.624,72			5.624,72
4	Máy ghế nha khoa GD-DT01	1			TQ	2015	2012	149.100,00		55.912,50			55.912,50
5	Máy xét nghiệm sinh hóa (loại đơn giản) BA-88A	1			TQ	2016	2012	84.997,50		31.874,06			31.874,06
6	Máy xét nghiệm nước tiểu (loại đơn giản)	1			Mỹ	2017	2012	27.993,00		10.497,38			10.497,38
7	Máy li tâm PLC-02	1			Đài Loan	2012	2012	74.970,00		28.113,75			28.113,75
8	Bàn để + bọc lên xuống	1			Việt Nam	2012	2012	6.996,00		2.623,50			2.623,50

9	Nồi luộc dụng cụ điện 420B	1				TQ	2012	2012	6.499,50		2.437,31			2.437,31
10	Ghế băng	1				Việt Nam	2012	2012	6.499,90		2.437,46			2.437,46
11	Lò sưởi điện	1				TQ	2012	2012	5.500,00		2.062,50			2.062,50
12	Tủ đựng tài liệu	1				VN	2012	2012	7.491,00		5.618,25			5.618,25
13	Máy vi tính để bàn (màn hình LCD15.6'+ CPU+ Máy in vi tính hiệu Xerox 3155	1				Việt Nam	2014	2014	14.980,00		5.992,00			5.992,00
14	Giường bệnh nhân nâng đầu	1				Việt Nam	2 016	2017	6.495,00		12.990,00			12.990,00
15	Bàn khám bệnh có đệm	1				Việt Nam	2 016	2017	6.285,00		6.285,00			6.285,00
16	Cáng đẩy bệnh nhân	1				Việt Nam	2 016	2017	6.600,00		6.600,00			6.600,00
17	Tủ đựng thuốc và dụng cụ	1				Việt Nam	2 016	2017	6.100,00		6.100,00			6.100,00
18	Đèn Clar	1				Đức	2 016	2017	8.600,00		8.600,00			8.600,00
19	Bàn đé bằng thép không gỉ	1				Việt Nam	2 016	2017	7.405,00		7.405,00			7.405,00
XII	Trạm Y tế xã Tân Xương	6							133.784,00		95.095,00			95.095,00
1	Máy vi tính để bàn (màn hình LCD15.6'+ CPU+ Máy in vi tính hiệu Xerox 3155	1				Việt Nam	2014	2014	14.980,00		5.992,00			5.992,00
2	Nồi hấp tiệt trùng loại nhỏ	1				Việt Nam	2 015	2015	28.800,00		21.600,00			21.600,00
3	Tủ sấy dụng cụ 32 lít	1				Việt Nam	2 015	2015	25.350,00		19.012,50			19.012,50
4	Máy điện tim 3 cần	1				Ấn Độ	2 015	2015	29.800,00		22.350,00			22.350,00
5	Máy xét nghiệm nước tiểu	1				Đức	2 015	2015	28.842,00		21.631,50			21.631,50
6	Bộ dụng cụ tiểu phẫu, 1 bộ gồm 12 khoản	1				Pakistan	2 015	2015	6.012,00		4.509,00			4.509,00
XIII	Trạm Y tế xã Đắk Nà	15							533.091,58		464.525,26			464.525,26
1	Máy vi tính để bàn (màn hình LCD15.6'+ CPU+ Máy in vi tính hiệu Xerox 3155	1				Việt Nam	2014	2014	14.980,00		5.992,00			5.992,00
2	Máy siêu âm loại xách tay Model: Prosound 2	1				Nhật Bản	2015	2016	329.910,00		288.671,25			288.671,25
3	Bàn khám phụ khoa	1				Việt Nam	2 015	2016	6.412,00		5.610,50			5.610,50
4	Máy hút dịch chạy điện	1				Mỹ	2 015	2016	21.500,58		18.813,01			18.813,01
5	Nồi hấp tiệt trùng loại nhỏ	1				Việt Nam	2 015	2016	28.800,00		25.200,00			25.200,00

lu

6	Tủ sấy dụng cụ 32 lít	1				Việt Nam	2 015	2016	25.350,00		22.181,25			22.181,25
7	Máy điện tim 3 cần	1				Ấn Độ	2 015	2016	29.800,00		26.075,00			26.075,00
8	Máy xét nghiệm nước tiểu	1				Đức	2 015	2016	28.842,00		25.236,75			25.236,75
9	Bộ dụng cụ tiểu phẫu, 1 bộ gồm 12 khoản	1				Pakistan	2 015	2016	6.012,00		5.260,50			5.260,50
10	Giường bệnh nhân nâng đầu	1				Việt Nam	2 016	2017	6.495,00		6.495,00			6.495,00
11	Bàn khám bệnh có đệm	1				Việt Nam	2 016	2017	6.285,00		6.285,00			6.285,00
12	Cáng dây bệnh nhân	1				Việt Nam	2 016	2017	6.600,00		6.600,00			6.600,00
13	Tủ đựng thuốc và dụng cụ	1				Việt Nam	2 016	2017	6.100,00		6.100,00			6.100,00
14	Đèn Clar	1				Đức	2 016	2017	8.600,00		8.600,00			8.600,00
15	Bàn để bằng thép không gỉ	1				Việt Nam	2 016	2017	7.405,00		7.405,00			7.405,00
XIV	Trạm Y tế xã Đăk Rơ Ông	26							566.185,50		246.462,78			246.462,78
1	Kính hiển vi 2 mắt CX21	1				Philippin		2012	27.995,00		10.498,13			10.498,13
2	Tủ đựng thuốc và dụng cụ	1				Việt Nam		2012	9.460,00		3.547,50			3.547,50
3	Bộ dụng cụ khám ngũ quan + đèn treo trần	1				Đức		2012	14.999,25		5.624,72			5.624,72
4	Máy ghế nha khoa GD-DT01	1				TQ		2012	149.100,00		55.912,50			55.912,50
5	Máy xét nghiệm sinh hóa (loại đơn giản) BA-88A	1				TQ		2012	84.997,50		31.874,06			31.874,06
6	Máy xét nghiệm nước tiểu (loại đơn giản)	1				Mỹ		2012	27.993,00		10.497,38			10.497,38
7	Máy li tâm PLC-02	1				Đài Loan		2012	74.970,00		28.113,75			28.113,75
8	Bàn để + bọc lên xuống	1				Việt Nam		2012	6.996,00		2.623,50			2.623,50
9	Nồi luộc dụng cụ điện 420B	1				TQ		2012	6.499,50		2.437,31			2.437,31
10	Ghế băng	1				Việt Nam	2012	2012	6.499,90		2.437,46			2.437,46
11	Lò sưởi điện	1				TQ	2012	2012	5.500,00		2.062,50			2.062,50
12	Tủ đựng tài liệu	1				VN	2012	2012	7.491,00		2.809,13			2.809,13
13	Tủ đựng tài liệu	1				VN	2012	2012	7.491,00		2.809,13			2.809,13
14	Máy vi tính để bàn (màn hình LCD15.6" - CPU - Máy in vi tính hiệu Xerox 3155	1				Việt Nam	2014	2014	14.980,00		5.992,00			5.992,00

15	Giường bệnh nhân nâng đầu	1				Việt Nam	2 016	2017	6.495,00		6.495,00				6.495,00
16	Giường bệnh nhân nâng đầu	1				Việt Nam	2 016	2017	6.495,00		6.495,00				6.495,00
17	Bàn khám bệnh có đệm	1				Việt Nam	2 016	2017	6.285,00		6.285,00				6.285,00
18	Càng đẩy bệnh nhân	1				Việt Nam	2 016	2017	6.600,00		6.600,00				6.600,00
19	Xe đẩy cấp phát thuốc	1				Việt Nam	2 016	2017	2.750,00		2.750,00				2.750,00
20	Tủ đựng thuốc và dụng cụ	1				Việt Nam	2 016	2017	6.100,00		6.100,00				6.100,00
21	Đèn Clar	1				Đức	2 016	2017	8.600,00		8.600,00				8.600,00
22	Bàn kê bằng thép không gỉ	1				Việt Nam	2 016	2017	7.405,00		7.405,00				7.405,00
23	Ba lon O xy hoặc bình xách tay có đồng hồ	1				TQ	2012	2012	5.499,90		4.124,93				4.124,93
24	Máy hút đờm giải điện áp U-305P	1				Đài Loan	2012	2012	24.999,45		9.374,79				9.374,79
25	Nồi hấp áp lực 17 lít điện + than	1				TQ	2012	2012	14.994,00		5.622,75				5.622,75
26	Tủ sấy điện 250 độ YCO-010	1				Đài Loan	2012	2012	24.990,00		9.371,25				9.371,25
	Tổng cộng	407							18.473.196,37		10.580.230,87				10.580.230,87

che

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ PHÂN LOẠI XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN
GIAO CHO ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP**

(Kèm theo Quyết định số **864** /QĐ-UBND ngày **01** tháng **9** năm 2017 của UBND tỉnh)

Tên đơn vị được giao tài sản: Trung Tâm Y tế huyện Tư Mờ Rông và các Trạm y tế trực thuộc

STT	Tên tài sản nhà nước giao cho đơn vị	ĐVT	Số lượng	Diện tích	Giá trị quyền sử dụng đất(đ)	Giá trị theo sổ kế toán (ngàn đồng)		Giá trị tài sản xác định lại và giao cho đơn vị (ngàn đồng)		Ghi chú
						Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	
1	Đất		13	40.128	1.324.287,95				1.324.287,95	
2	Nhà cửa, vật kiến trúc		16	7.695		58.183.147,00	44.491.879,39	58.183.147,00	44.801.879,39	
3	Phương tiện vận tải		31			1.395.282,86	439.950,62	1.395.282,86	439.950,62	
4	Máy móc, thiết bị và tài sản khác		376			17.077.913,51	10.140.280,25	17.077.913,51	10.140.280,25	
	Tổng cộng		436	47.824	1.324.287,95	76.656.343,37	55.072.110,26	76.656.343,37	56.706.398,21	

bl